

Số: /2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2026

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ  
vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035,  
giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035;*

*Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026;*

*Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-KTNS ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh và việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là Chương trình).

### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, phân bổ, giao, điều chỉnh và thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện Chương trình.

## **Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình**

1. Việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; ưu tiên các xã khu vực II, khu vực III, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; ưu tiên sử dụng vốn để giải quyết tình trạng phòng học tạm, phòng học nhờ, mượn; hoàn thiện cơ sở vật chất và thiết bị dạy học tối thiểu cho các cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và Chương trình giáo dục phổ thông.

3. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ; thực hiện phân cấp quản lý theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị sử dụng vốn của Chương trình.

4. Nguồn vốn thực hiện Chương trình được phân bổ linh hoạt, kịp thời, đúng thẩm quyền; việc điều chỉnh giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương phải bảo đảm sử dụng vốn hiệu quả, đúng mục tiêu, ưu tiên nơi có nhu cầu cấp thiết, có khả năng triển khai và giải ngân trong năm kế hoạch.

5. Trường hợp chia tách, sáp nhập cơ sở giáo dục trong giai đoạn thực hiện Chương trình, việc phân bổ vốn cho cơ sở giáo dục sau chia tách, sáp nhập thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Đối với cơ sở giáo dục được sáp nhập từ hai cơ sở trở lên, mức vốn được xác định trên cơ sở tổng hợp nhiệm vụ, dự án và mức vốn đã phân bổ cho các cơ sở trước khi sáp nhập, bảo đảm thực hiện Chương trình liên tục, có tính kế thừa, không gián đoạn;

b) Đối với cơ sở giáo dục được chia tách, mức vốn được xác định tương ứng với nhiệm vụ, nội dung, hoạt động, dự án được chuyển giao cho từng cơ sở theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ kế hoạch vốn; tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

7. Tổng vốn đối ứng ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 phải phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 10 và không thấp hơn tỷ lệ quy định tại Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.

**Điều 3. Tiêu chí, phương pháp phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho các xã để thực hiện giáo dục mầm non, phổ thông công lập**

### **1. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương**

a) Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn xã theo mục tiêu, nội dung đầu tư của Chương trình quy định tại tiết (1) điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội. Các chỉ tiêu định lượng về thực trạng cơ sở vật chất được xác định như sau:

$P_{kch}$ : Số lượng phòng học tạm, nhờ, mượn, cấp 4 xuống cấp cần phải kiên cố hóa của xã j;

$P_{pcgd}$ : Số lượng phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày của xã j;

$P_{thiếu}$ : Số lượng phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với xã j.

b) Mức độ ưu tiên để hoàn thành các công trình trong giai đoạn được bố trí vốn. Hệ số định lượng về mức độ ưu tiên được xác định như sau:

$\alpha$ : Hệ số trọng số đối với việc kiên cố hóa trường, lớp học, quy định  $\alpha = 1,3$ ;

$\beta$ : Hệ số trọng số đối với việc thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày, quy định  $\beta = 1,2$ ;

$\gamma$ : Hệ số trọng số đối với việc đầu tư bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú cho học sinh, trang thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu để đạt chuẩn tối thiểu, quy định  $\gamma = 1,0$ .

c) Khả năng tự cân đối ngân sách của các xã. Hệ số phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách ( $M_j$ ) được xác định như sau:

Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã từ 80% trở lên: hệ số  $M_j = 1,3$ ;

Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã từ 60% đến dưới 80%: hệ số  $M_j = 1,1$ ;

Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã từ 40% đến dưới 60%: hệ số  $M_j = 1,0$ ;

Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã dưới 40%: hệ số  $M_j = 0,6$ .

d) Mức độ khó khăn của địa bàn theo vùng, miền, bao gồm các yếu tố về điều kiện địa lý, địa hình, khí hậu, khoảng cách vận chuyển, điều kiện thi công, suất đầu tư xây dựng và các yếu tố chi phí khác có liên quan. Hệ số ưu tiên theo vùng miền  $K_j$  được xác định như sau:

$K_j = 1,2$ : Áp dụng đối với xã khu vực II, khu vực III, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu;

$K_j = 1,0$ : Áp dụng đối với các xã còn lại thuộc đối tượng hỗ trợ.

## **2. Phương pháp xác định mức vốn phân bổ cho từng xã**

a) Cách tính tổng số điểm định mức quy đổi của xã  $j$  ( $T_j$ )

Tổng số điểm định mức quy đổi của xã  $j$  ( $T_j$ ) được tính toán dựa trên thực trạng cơ sở vật chất thực tế kết hợp với các hệ số ưu tiên về vùng miền và khả năng cân đối ngân sách, cụ thể như sau:

$$T_j = [(P_{kch,j} \times \alpha) + (P_{pcqd,j} \times \beta) + (P_{thieu,j} \times \gamma)] \times K_j \times M_j$$

b) Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã  $j$  ( $V_j$ ) được xác định theo công thức sau:

$$V_j = \left( \frac{T_j}{\sum_{j=1}^n T_j} \right) \times V_{D1}$$

Trong đó:

- $V_j$ : Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã  $j$  trong giai đoạn kế hoạch;
- $V_{D1}$ : Phần vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương thuộc Dự án thành phần 1 còn lại sau khi bố trí cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này, được phân bổ cho các xã, phường để thực hiện nội dung giáo dục mầm non, phổ thông công lập của Chương trình trong kỳ kế hoạch;
- $T_j$ : Tổng số điểm định mức quy đổi của xã  $j$ ;
- $\sum_{j=1}^n T_j$ : Tổng số điểm định mức quy đổi của tất cả các xã thuộc đối tượng được ngân sách trung ương hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ( $n$  là tổng số xã được hỗ trợ).

*\* Tổng mức vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho xã j để thực hiện Dự án thành phần 1 bằng tổng vốn ngân sách trung ương ( $V_j$ ) xác định tại Điều 3 và vốn đối ứng ngân sách tỉnh ( $V_{đư,j}$ ) xác định tại Điều 6 Nghị quyết này.*

### **3. Căn cứ xác định số liệu**

a) Khối lượng danh mục đầu tư đối với các hạng mục công trình, trang thiết bị dạy học tối thiểu và thứ tự ưu tiên bố trí vốn được xác định trên cơ sở tổng hợp nhu cầu thực tế của từng xã, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, quy mô, nội dung đầu tư của Chương trình và danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Danh mục, quy mô, tổng mức đầu tư, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn của từng dự án được xác định theo quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Suất vốn đầu tư xây dựng và giá trang thiết bị dạy học được áp dụng theo quy định hiện hành về suất vốn đầu tư xây dựng, giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình do Bộ Xây dựng ban hành, kết hợp với chỉ số giá thị trường và kết quả thẩm định giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) tại thời điểm lập phương án phân bổ vốn.

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo làm căn cứ tính toán định mức phân bổ vốn. Số liệu được chốt tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 và áp dụng ổn định cho giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.

### **Điều 4. Phân bổ vốn ngân sách trung ương cho Sở Giáo dục và Đào tạo và trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh**

1. Nội dung thực hiện phải phù hợp với Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-BGDDT và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Tiêu chí, hệ số, phương pháp phân bổ vốn đối với trường cao đẳng công lập thực hiện theo Điều 5; kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho địa phương thực hiện theo Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.

2. Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho Sở Giáo dục và Đào tạo và trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh căn cứ các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ được giao chủ trì thực hiện theo quyết định, kế hoạch của cấp có thẩm quyền;

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, nhu cầu vốn, khả năng giải ngân và hoàn thành nhiệm vụ trong kỳ kế hoạch;

c) Nội dung, tính chất, phạm vi nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng thực hiện của cơ quan, đơn vị; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi, đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp xã, nhiệm vụ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi đã được bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước.

3. Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Giáo dục và Đào

tạo chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ vốn thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Tiêu chí, hệ số và phương pháp xác định mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh tham gia Chương trình thực hiện theo phương án và quyết định phân bổ của cấp có thẩm quyền trên cơ sở Điều 5 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.

### **Điều 5. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương**

#### **1. Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị cấp tỉnh.**

Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền giao, khối lượng nhiệm vụ và khả năng triển khai, bố trí tối đa 20% vốn đầu tư phát triển thuộc Dự án thành phần 1 cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị cấp tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ cấp tỉnh, nhiệm vụ có quy mô liên xã, phường, nhiệm vụ đặc thù và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao (tỷ lệ nêu trên tương ứng với tổng nhu cầu vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở cấp tỉnh và cấp xã). Việc phân bổ phải phù hợp với nội dung Chương trình, tiêu chí quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm không trùng lặp nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với các chương trình, dự án, nhiệm vụ chi khác.

#### **2. Phân bổ vốn cho các xã, phường**

Phần vốn ngân sách trung ương còn lại thuộc Dự án thành phần 1, sau khi bố trí cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này, được phân bổ cho các xã, phường theo tiêu chí, hệ số và phương pháp quy định tại Điều 3 Nghị quyết này; đối với kinh phí thường xuyên, việc phân bổ phải phù hợp với tiêu chí, hệ số quy định tại Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg và nhiệm vụ cụ thể của Chương trình.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Trường hợp thực hiện phân cấp, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị quyết này, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp với chương trình, dự án khác trên cùng địa bàn.

#### **3. Phân bổ vốn cho trường cao đẳng thuộc tỉnh**

Phần vốn ngân sách trung ương thuộc Dự án thành phần 2 được phân bổ cho trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh tham gia Chương trình thực hiện theo phương án và quyết định phân bổ của cấp có thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện hằng năm.

*\* Trường cao đẳng bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định tại khoản 1, Điều 12 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg*

### **Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình**

Vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 được bố trí theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 249/2025/QH15 và

Điều 10, Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

1. Nội dung sử dụng vốn đối ứng phải phù hợp với các dự án thành phần của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-BGDDT; thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg và quy định tại Nghị quyết này.

2. Tỷ lệ và số vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh

a) Tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh Thái Nguyên đối với các nội dung quy định tại Điều 4, Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg là:

$$T_{dur} = T_{tt} \times H_{dur} = 25,82\% \times 1,5 = 38,73\%$$

Trong đó:

-  $T_{dur}$  là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng vốn ngân sách tỉnh đối ứng và tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ được giao cho tỉnh trong năm hoặc giai đoạn kế hoạch;

-  $T_{tt}$  là tỷ lệ phần trăm (%) vốn đối ứng tối thiểu áp dụng chung cho toàn Chương trình theo cơ cấu nguồn vốn quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 249/2025/QH15 (25,82%);

-  $H_{dur}$  là hệ số điều chỉnh tỷ lệ đối ứng theo khả năng tự cân đối ngân sách của tỉnh. Thái Nguyên thuộc nhóm địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương dưới 40%, áp dụng hệ số  $H_{dur} = 1,5$  theo điểm b khoản 1 Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg; việc xác định nhóm địa phương căn cứ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội.

b) Số vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh

Căn cứ vào tỷ lệ  $T_{dur}$  quy định tại điểm a khoản này, tổng số vốn đối ứng ngân sách tỉnh bố trí cho giai đoạn trung hạn hoặc hằng năm được xác định theo công thức:

$$V_{dur} = V_{NSTW} \times T_{dur}$$

Trong đó,  $V_{NSTW}$  là tổng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh trong năm hoặc giai đoạn kế hoạch.

3. Vốn đối ứng ngân sách tỉnh phân bổ cho các xã thực hiện Dự án thành phần 1 về giáo dục mầm non, phổ thông công lập được xác định theo tiêu chí, hệ số và phương pháp quy định tại Điều 3 Nghị quyết này. Đối với các nhiệm vụ giao Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ, gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Tỉnh Thái Nguyên bố trí vốn đối ứng của tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các dự án đầu tư cho trường cao đẳng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.

5. Ngoài vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định bố trí vốn ngân sách xã; Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Chương trình, bảo đảm hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu được giao.

6. Việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán chi thường xuyên đối với các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp không còn nhu cầu sử dụng vốn, sử dụng vốn không hiệu quả hoặc chậm tiến độ, Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính để tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, phân bổ cho địa phương, đơn vị khác có nhu cầu và khả năng thực hiện.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **3. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã**

a) Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định bố trí ngân sách xã và phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn theo phân cấp tại khoản 5 Điều 6 Nghị quyết này;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện; chịu trách nhiệm về việc đề xuất danh mục dự án, nhiệm vụ, phê duyệt hoặc trình phê duyệt theo thẩm quyền; bảo đảm sử dụng vốn đúng mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả, phòng, chống lãng phí, tiêu cực; hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Chương trình.

4. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XV, kỳ họp thứ bảy (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày ... tháng 9 năm 2026./*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

#### **CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Lương**

